

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đường
Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Khối M, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: xóm H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: 2730 Fenton Ave, Bronx, New York 10469, United States (Hoa Kỳ); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Tuấn V trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 24 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khoảng 03 tháng tại gia đình nhà chồng ở Khối M, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến tháng 7 năm 2015, chị N đi xuất khẩu lao động sang Hoa Kỳ. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau nhưng từ tháng 9/2018 đến nay thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Do vợ chồng sống xa nhau đã lâu, anh có bàn với chị N về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng cuộc sống gia đình nhưng chị N không đồng ý, bản thân anh cũng không thể sang Hoa Kỳ đoàn tụ cùng chị N nên vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm và cách sống. Anh và chị N đã ly thân với nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Hiện tại, anh Phạm Tuấn V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Hồng N.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Hồng N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Hồng N đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Chị được anh Phạm Tuấn V thông báo về việc anh V đã nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án. Do đó, chị đã gửi các tài liệu, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt (được hợp thức hóa lãnh sự có chứng nhận của Lãnh sự quán Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Sau khi kết hôn, chị và anh V sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống cũng như lối sống. Hiện tại, chị N tự nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

Về con chung: Chị và anh Phạm Tuấn V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Phạm Tuấn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Bùi Thị Hồng N đang cư trú tại Hoa Kỳ, đi lại khó khăn nên không thể về Việt Nam và trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời chị đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến anh Trần Mạnh T, sinh năm 1989,

trú tại: 16 Nguyễn Việt X, thành phố V, tỉnh Nghệ An và anh T sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Tuấn V có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Hồng N hiện cư trú tại nước Hoa Kỳ; trước xuất cảnh chị N có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Bùi Thị Hồng N không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và chị N yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Hồng N đang cư trú ở nước ngoài nhưng đã gửi các tài liệu, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt (được hợp thức hóa lãnh sự có chứng nhận của Lãnh sự quán Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh Phạm Tuấn V đã xem các tài liệu, đọc bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị N và thừa nhận các nội dung trình bày, chữ ký của chị N là đúng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án có mặt anh V, vắng mặt chị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 24 tháng 4 năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị N đi xuất khẩu lao động sang nước Hoa Kỳ. Do vợ chồng sống xa nhau, bất đồng về quan điểm sống và lối sống nên có nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Hiện tại, anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phạm Tuấn V yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Tuấn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Tuấn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Tuấn V và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Tuấn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004031 ngày 09/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Phạm Tuấn V đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Tuấn V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Hồng N có quyền

kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đ, huyện Đ, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh